

**BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN DỰ TOÁN
NĂM 2025**

Đơn vị: Sở Tài chính Ninh Bình

Mã số ĐVSDNS: 1017495

Mã KBNN nơi giao dịch: 1320 Phòng Giao dịch số 11 - KBNN khu vực IV

Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày /6/2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán giao tại Quyết định số 889/QĐ-UBND; Quyết định số 200/QĐ-UBND; Văn bản số 561/UBND-VP5	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo QĐ số 742/QĐ-UBND	Dự toán còn lại	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=5-6	8
			DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	41.141.000.000	633.000.000	40.508.000.000	
I	340	341	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (1+2):	38.468.000.000	633.000.000	37.835.000.000	
1			Chi thường xuyên giao tự chủ	25.406.000.000	70.000.000	25.336.000.000	
2			Chi thường xuyên không giao tự chủ	13.062.000.000	563.000.000	12.499.000.000	
2.1			Sửa chữa thường xuyên:	2.840.000.000	-	2.840.000.000	
			Sửa chữa bảo dưỡng các hạng mục công trình trụ sở Sở Tài chính	2.840.000.000	-	2.840.000.000	
2.2			Mua sắm tài sản:	10.000.000	10.000.000	-	
			Bộ bàn ghế phòng tiếp khách	10.000.000	10.000.000	-	
2.3			Các khoản chi đặc thù:	10.212.000.000	553.000.000	9.659.000.000	

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Page 2 Dự toán giao tại Quyết định số 889/QĐ-UBND; Quyết định số 200/QĐ-UBND; Văn bản số 561/UBND-VP5	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo QĐ số 742/QĐ- UBND	Dự toán còn lại	Ghi chú
-			Công tác thảo luận, tổng hợp và xây dựng dự toán NSNN trung ương và địa phương	855.000.000	-	855.000.000	
-			Kinh phí duy trì hệ thống thông tin QLNS và KB (Tabmis) trên địa bàn toàn tỉnh	45.000.000	-	45.000.000	
-			Công tác QLTSNN, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kê khai tài sản NN của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh; Thực hiện đề án tổng kiểm kê tài sản công và tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư quản lý	495.000.000	-	495.000.000	
-			Công tác quyết toán NSNN trên địa bàn toàn tỉnh	720.000.000	-	720.000.000	
-			Tổng hợp báo cáo công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí; công tác phòng chống tham nhũng và các báo cáo chuyên đề (UBND tỉnh giao)	405.000.000	40.191.000	364.809.000	
-			Kinh phí thực hiện ứng dụng Công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng ngành tài chính	378.000.000	40.000.000	338.000.000	
-			Tổ chức thanh tra, kiểm tra tài chính các đơn vị trên địa bàn tỉnh; thanh tra tài chính theo kế hoạch hàng năm	360.000.000	182.868.000	177.132.000	
-			Phục vụ các đoàn liên ngành theo chỉ đạo của UBND tỉnh	108.000.000	108.000.000	-	
-			KP thực hiện cải cách hành chính	310.000.000	-	310.000.000	

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Page 3 Dự toán giao tại Quyết định số 889/QĐ-UBND; Quyết định số 200/QĐ-UBND; Văn bản số 561/UBND-VP5	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo QĐ số 742/QĐ-UBND	Dự toán còn lại	Ghi chú
			Kinh phí xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân	95.000.000	55.406.000	39.594.000	
			Kinh phí duy trì hệ thống ISO 9001:2015	24.000.000	-	24.000.000	
			Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên, thanh tra viên chính, tập huấn phòng chống tham nhũng, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ chuyên môn khác...	65.000.000	65.000.000	-	
			Kinh phí triển khai nhiệm vụ tài chính kế toán và các chính sách chế độ mới	270.000.000	-	270.000.000	
			Duy trì phần mềm quản lý tài sản	9.000.000	-	9.000.000	
			Trang phục thanh tra	31.000.000	2.215.000	28.785.000	
			Kinh phí Ban đổi mới doanh nghiệp	270.000.000	-	270.000.000	
			Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất	495.000.000	-	495.000.000	
			Kinh phí thuê dịch vụ tư vấn xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	45.000.000	-	45.000.000	
			Kinh phí phục vụ công tác thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, XD chính quyền điện tử, chuyển đổi số theo NQ 01-NQ/TU	315.000.000	-	315.000.000	
			Kinh phí tuyên truyền về thành tựu, định hướng về phát triển kinh tế xã hội; thu hút đầu tư...	180.000.000	-	180.000.000	

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Page 4 Dự toán giao tại Quyết định số 889/QĐ-UBND; Quyết định số 200/QĐ-UBND; Văn bản số 561/UBND-VP5	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo QĐ số 742/QĐ- UBND	Dự toán còn lại	Ghi chú
			Kinh phí phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường	42.000.000	-	42.000.000	
			Kinh phí duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành phần mềm trao đổi DL liên thông giữa các đơn vị trong tỉnh với BTC phục vụ công tác cập nhật CSDL giá	707.000.000	-	707.000.000	
			Kinh phí thuê dịch vụ truyền số liệu chuyên dùng cấp II	64.000.000	32.320.000	31.680.000	
			Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	
			Ban chỉ đạo lập quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2023 tầm nhìn 2050	27.000.000	27.000.000	-	
			Quản lý doanh nghiệp	450.000.000	-	450.000.000	
			Công tác đánh giá đầu tư	675.000.000	-	675.000.000	
			Kinh phí hoạt động của Ban xúc tiến đầu tư	180.000.000	-	180.000.000	
			Kinh phí phục vụ công tác cấp đăng ký kinh doanh	45.000.000	-	45.000.000	
			Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương	1.160.000.000	-	1.160.000.000	
			Rà soát chuẩn hoá hồ sơ đăng ký kinh doanh	45.000.000	-	45.000.000	
			Ban chỉ đạo kinh tế tập thể	27.000.000	-	27.000.000	

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Page 5 Dự toán giao tại Quyết định số 889/QĐ-UBND; Quyết định số 200/QĐ-UBND; Văn bản số 561/UBND-VP5	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo QĐ số 742/QĐ- UBND	Dự toán còn lại	Ghi chú
			<i>Tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, doanh nhân</i>	315.000.000	-	315.000.000	
III			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỈNH GIAO (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)	2.673.000.000	-	2.673.000.000	
1	280	322	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch	550.000.000	-	550.000.000	
2	280	281	Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT: 00502)	100.000.000	-	100.000.000	
3	070	098	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	50.000.000	-	50.000.000	
4	340	341	Kinh phí tổ chức Đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2025-2030	413.000.000	-	413.000.000	
5	280	338	Kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư	1.560.000.000	-	1.560.000.000	